

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-4-2022

V/v ly hôn giữa anh H và chị T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Bình;

Ông Mai Thanh Tùng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đính - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa:**
Ông Nguyễn Thành Long – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2022/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2022/QĐST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn H, sinh năm 1986; địa chỉ: Xóm 8, xã HL, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1989; địa chỉ: Xóm 8, xã HL, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/02/2022 và bản tự khai, nguyên đơn anh Trần Văn H trình bày:

Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Kim T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HL, huyện H, tỉnh Nam Định ngày 01/4/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung nhà với bố mẹ đẻ anh tại xóm 8, xã HL, huyện H. Đến khi chị T mang thai năm 2017, vợ chồng có mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống nên có xảy ra cãi nhau, chị T tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Từ tháng 04/2018 đến nay thì vợ chồng sống ly thân. Nay anh nhận thấy vợ chồng đã ly thân trong thời gian dài, không tìm được tiếng nói chung nên anh xin được giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Đăng K, sinh ngày 11/12/2018 hiện đang ở cùng chị T. Khi ly hôn anh nhận trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Nếu chị T nhận trực tiếp nuôi con thì anh cũng nhất trí, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng/tháng. Hiện tại anh đang đi làm thuê tại thành phố Hồ Chí Minh, thu nhập khoảng 9.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn ngày 21/02/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Chị thống nhất với anh H về việc kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng ở nhà chồng được khoảng 01 tuần thì cùng vào tỉnh Đồng Nai làm ăn, đến năm 2015 vợ chồng lần lượt về quê và đi làm tự do. Trong thời gian chung sống chị nhiều lần phát hiện anh H có tin nhắn tình cảm với người phụ nữ khác. Đến năm 2017, chị và anh H xảy ra cãi chửi nhau về việc anh H có quan hệ ngoại tình, do bị anh H đánh nên chị ức chế bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở cùng xóm, sau đó đi làm tự do tại Hà Nội. Khoảng tháng 05/2018, chị đã thông báo cho anh H và gia đình bên chồng biết chị đang có thai thì anh H không công nhận là con anh ấy và bỏ vào tỉnh Đồng Nai làm ăn, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị thấy tình cảm với anh H không còn nhưng do cả hai đều theo đạo Thiên Chúa, luật giáo không cho phép ly hôn nên chị không có ý kiến gì, nếu anh H vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Chị thống nhất với anh H có 01 con chung là cháu Trần Đăng K, sinh ngày 11/12/2018 hiện đang ở với chị. Nếu ly hôn chị nhận trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cho chị theo mức cấp dưỡng do pháp luật quy định. Hiện tại chị đang làm công nhân cho Công ty sản xuất đồ chơi tại xã Hải Phương, huyện Hải Hậu, do đang trong thời gian thử việc nên chưa ký hợp đồng lao động.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Chị có gửi mẹ chồng là bà Lê Thị N giữ hộ một số tài sản nhưng không lập giấy tờ gì, nay bà N không thừa nhận nên chị không yêu cầu bà N trả nợ nữa.

Về nợ: Vợ chồng không nợ tài sản của ai, chị không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn H, cho ly hôn giữa anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị Kim T. Giao con chung là Trần Đăng K, sinh ngày

11/12/2018 cho chị Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng; buộc anh Trần Văn H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T là 1.500.000 đồng/tháng. Về án phí: Anh Trần Văn H phải nộp án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Trần Văn H đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự trên.

[2] Về hôn nhân: Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị Kim T có quan hệ hôn nhân hợp pháp, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký ngày 01/4/2015 tại UBND xã HL, huyện H, tỉnh Nam Định. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn do nghi ngờ lẫn nhau về sự chung thủy vợ chồng, đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Nay anh H xin ly hôn, chị T cũng thừa nhận không còn tình cảm nhưng đưa ra lý do phải tuân theo luật tôn giáo không cho phép bỏ nhau nên chị không có ý kiến gì về quan hệ hôn nhân, chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết đơn xin ly hôn của anh H theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, thực trạng mâu thuẫn giữa anh H và chị T đã căng thẳng kéo dài từ nhiều năm nay, các bên cũng không còn thiết tha hàn gắn đoàn tụ. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của anh H để giải quyết cho anh H và chị T ly hôn là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh H và chị T thống nhất có 01 con chung chưa thành niên là Trần Đăng K, sinh ngày 11/12/2018 hiện đang ở với chị T. Anh H và chị T đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi con khi ly hôn. Tuy nhiên, xét thấy cháu K còn nhỏ mới hơn 03 tuổi, chị T hiện đang làm việc tại địa phương có điều kiện thời gian chăm sóc con hàng ngày, còn anh H đang đi làm ăn xa tại Thành phố Hồ Chí Minh. Cháu K cũng ở với chị T từ khi sinh ra đến nay vẫn được chăm sóc, nuôi dưỡng đầy đủ; anh H cũng có ý kiến đồng ý nếu chị T nhận nuôi con và nhận mức cấp dưỡng nuôi con từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng/tháng. Do đó để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên cần giao cháu Trần Đăng K cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; do anh H làm tự do, công việc không ổn định nên cần buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản và nghĩa vụ về tài sản: Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị Kim T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nghĩa vụ về tài sản khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn anh Trần Văn H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị Kim T.

2. Về việc nuôi con chung: Giao cháu Trần Đăng K, sinh ngày 11/12/2018 cho chị Nguyễn Thị Kim T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động tự lập hoặc có tài sản để tự nuôi mình. (Hiện cháu K đang ở với chị T).

Buộc anh Trần Văn H cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng cho một tháng), thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 05/2022 cho đến khi con chung thành niên. Anh Trần Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị T.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Anh Trần Văn H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006070 ngày 15/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Anh Trần Văn H còn phải nộp bổ sung 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- UBND xã HL;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Trung Kiên